TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2019/QĐST-HNGĐ	*Hiệp Hòa, ngày 25 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 250/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1995.

HKTT: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh B.

Nơi ở hiện tại: Xóm 6, xã H, huyện A, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh B.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
***Nguyên đơn:* Chị Trần Thị N**, sinh năm 1995.

HKTT: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh B.

Nơi ở hiện tại: Xóm 6, xã H, huyện A, tỉnh N.

Bị đơn: **Anh Nguyễn Đăng T**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn M, xã M, huyện H, tỉnh B.

2. **Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về quan hệ vợ chồng:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đăng T.

- *Về con chung:* Giao cho anh Nguyễn Đăng T trực tiếp nuôi Nguyễn Ngọc Quỳnh C, sinh ngày 06/5/2016. Chị Trần Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác, công sức:* Chị Trần Thị N và anh Nguyễn Đăng T đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Trần Thị N tự nguyện chịu cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0001143 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Hoàn trả chị N 150.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ny sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
-VKSND huyện Hiệp Hòa;
-Chi cục THADS h. Hiệp Hòa;
- UBND xã Mai Đình, h. Hiệp Hòa;
-TAND tỉnh Bắc Giang;
-Lưu: HS vụ án.

Thẩm phán

Nguyễn Xuân Toàn